



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
BẢO THỦ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



NỘI DUNG

01

VỀ BIDICO

- Giới thiệu công ty
- Quá trình hình thành và phát triển
- Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Các hoạt động nổi bật năm 2015

02

TỔNG QUAN

- Tâm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi
- Lĩnh vực kinh doanh
- Công ty con và công ty liên kết
- Thông tin nhân sự chủ chốt
- Mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Quản trị rủi ro

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Bối cảnh kinh tế vĩ mô năm 2015
- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Các sản phẩm tiêu biểu
- Tổ chức và nhân sự
- Tiến độ các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỀ BIDICO

- *Giới thiệu công ty*
- *Quá trình hình thành và phát triển*
- *Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị*
- *Các hoạt động nổi bật năm 2015*



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

Mã chứng khoán : **BII**

Tên viết tắt : **BIDICO**

Trụ sở : **Khu phố 11, P. Bình Tân, Tx. Lagi, Tỉnh Bình Thuận**

Số điện thoại : **062 387 0935**

Fax : **062 387 1935**

Vốn điều lệ : **576.800.000.000 VND**

Số đăng ký kinh doanh : **3400555146**

Website : **www.bidico.com.vn**

Email : **info@bidico.com.vn**



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2015

CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ NHÀ MÁY ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

- Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 và Cụm công nghiệp Tân Bình 1 đi vào hoạt động, sẵn sàng chào đón các nhà đầu tư.
- Nhà máy Chế biến cát Bình Thuận đi vào hoạt động.
- Đón nhận đầu tư Nhà máy Chế biến xỉ Titan tại Cụm công nghiệp Thăng Hải 1.

2014

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GDCK HÀ NỘI

- Năm 2014 BIDICO chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (mã CP: BII), mở ra giai đoạn hoạt động mới.
- Động thổ Cụm công nghiệp Tân Bình 1.

2013

ĐỘNG THỔ CỤM CÔNG NGHIỆP THĂNG HẢI 2

- Ngày 10-01-2014 BIDICO phối hợp cùng Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận tổ chức lễ động thổ Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 có diện tích 40ha nằm trong Cụm công nghiệp Thăng Hải - Cụm công nghiệp Chế biến sâu titan tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

2012

KHAI THÁC CỤM CÔNG NGHIỆP THĂNG HẢI 1

- Tích lũy tài sản tiềm năng, tập trung nguồn lực để đầu tư, phát triển dự án.
- Đưa vào khai thác Cụm công nghiệp Thăng Hải 1.
- Cấp phép đầu tư mỏ cát Tân Hà.

2008

-

2011

GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH

- Ngày 29/05/2008 : Thành lập công ty.
- Bảo toàn nguồn lực qua giai đoạn khủng hoảng kinh tế Việt Nam từ 2008.
- Chủ động đón đầu xu thế chung của thế giới trong việc sử dụng vật liệu mới, trong đó có Titan, cát, năng lượng xanh và các sản phẩm chế biến sâu tài nguyên thiên nhiên, từ năm 2009, BIDICO đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thăng Hải 1 để giải quyết bài toán về hạ tầng cho các nhà đầu tư trong việc muốn gia nhập ngành. Công ty cũng chuẩn bị nguồn lực dài hạn cho các cụm công nghiệp chuyên sâu như dự án mở rộng Cụm công nghiệp Thăng Hải 2, Cụm công nghiệp Tân Bình, đầu tư các mỏ cát và mở rộng sang lĩnh vực trồng rừng khai thác.

THÔNG ĐIỆN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Năm 2015, BIDICO đã khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng công nghiệp, tiếp nối sự thành công của Cụm công nghiệp Thăng Hải 1, Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 và Cụm công nghiệp Tân Bình 1 cũng đã chính thức đi vào hoạt động..."

Kính thưa Quý đối tác, Quý khách hàng và Quý cổ đông thân mến,



Năm 2015, kinh tế Việt Nam tuy còn tồn tại nhiều khó khăn nhưng vẫn có nhiều cơ hội tích cực đến từ những chính sách vĩ mô. Theo đà phục hồi đó, cùng với sự nỗ lực không ngừng của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, BIDICO đang từng bước khẳng định vị thế tiên phong của mình trong lĩnh vực công nghiệp tại địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Năm 2015 cũng là năm đánh dấu sự thành công trên con đường phát triển của BIDICO. Có thể nói, BIDICO đã có một năm vận động và biến chuyển toàn diện về chiến lược, quản trị, tổ chức và nhân sự. Mọi nỗ lực thay đổi đều vì mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững. Sự kết hợp giữa tư duy mới mẻ, sự năng động, hiện đại của lực lượng nhân viên trẻ cùng với tâm huyết và kinh nghiệm của Ban lãnh đạo đã giúp BIDICO chuyển mình sang một giai đoạn mới - giai đoạn **PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP**.

Năm 2015, BIDICO đã khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng công nghiệp. Tiếp nối sự thành công của Cụm Công Nghiệp Thăng Hải 1, Cụm Công Nghiệp Thăng Hải 2 và Cụm Công Nghiệp Tân Bình 1 cũng đã chính thức đi vào hoạt động với sứ mệnh phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Thuận. Bên cạnh đó Nhà máy Chế biến cát Bình Thuận đã hoạt động ổn định, thương hiệu Cát trắng SIBICO cũng dần khẳng định được chỗ đứng trên thương trường quốc tế. Tiếp nối những thành công bước đầu, trong năm 2016, BIDICO sẽ tiếp tục đưa vào hoạt động hai nhà máy – Nhà máy Chế biến gỗ Bình Thuận và Nhà máy Sản xuất gạch Tuynel, đặt tại Cụm công nghiệp Thăng Hải. Với việc hàng loạt nhà máy đi vào hoạt động, BIDICO có thêm động lực để mạnh dạn đầu tư và phát triển nhiều hơn nữa, góp phần mang lại giá trị về kinh tế, xã hội tại những nơi mà BIDICO đặt chân đến.

Trong năm 2016, Hội Đồng Quản Trị BIDICO đã đặt ra nhiều kế hoạch và chiến lược cần phải thực hiện để phù hợp với giai đoạn mới. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, tôi cam kết sẽ theo sát các kế hoạch phát triển của BIDICO, đảm bảo thực hiện vượt các chỉ tiêu mà Đại Hội Đồng Cổ Đông đã tin tưởng giao phó. Với kinh nghiệm và những lợi thế sẵn có, Công ty có thể xây dựng được những giải pháp cụ thể nhằm mang lại những lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông, Quý khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong năm 2016 và những năm sau đó. Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đồng hành cùng BIDICO trong suốt năm qua và mong Quý vị sẽ tiếp tục sánh bước cùng BIDICO trên đoạn đường phía trước. Xin gửi lời cảm ơn chân thành và chúc các cơ quan ban ngành Nhà nước, Quý đối tác, Quý khách hàng và Quý cổ đông nhiều sức khỏe, ngày càng phát triển và thành công!

CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT 2015

01 KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÁT BÌNH THUẬN

Trải qua hơn hai năm chuẩn bị và xây dựng, vào tháng 2/2015, Nhà máy Chế biến cát Bình Thuận đã đi vào hoạt động, với công suất hơn 200.000 tấn/năm, tận dụng được nguồn nguyên liệu dồi dào tại địa phương và công nghệ dây chuyền hiện đại. Nhà máy ra đời góp phần mang lại diện mạo mới cho ngành chế biến cát trắng tại Bình Thuận.



02 KHỞI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN

Trong tháng 9, 2015, Nhà máy Chế biến Gỗ Bình Thuận được khởi công xây dựng tại Cụm công nghiệp Thăng Hải 1, với quy mô 50.000 tấn gỗ dăm/năm, 30.000 m³ gỗ xẻ/năm và 3.000.000 m² veneer/năm. Nhà máy ra đời để tận dụng tối đa lợi thế tự nhiên về diện tích rừng trồng keo tại địa phương.



03 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL

Nhận thấy ngành Bất động sản đang có dấu hiệu phục hồi, kéo theo nhu cầu gạch tăng cao ở các tỉnh miền Nam, vào tháng 10/2015, Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất gạch Tuynel mang thương hiệu MABICO với công suất 100 triệu viên/năm. Dự kiến tháng 6/2016, nhà máy sẽ bắt đầu sản xuất.



04 TĂNG VỐN THÀNH CÔNG TỪ 328 TỶ ĐỒNG LÊN TỚI 576,8 TỶ ĐỒNG

Vào tháng 9, 2015, thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên 2015, Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn từ 328 tỷ đồng lên 576,8 tỷ đồng. Việc nguồn vốn được bổ sung kịp thời góp phần vào sự phát triển ổn định của Công ty và đảm bảo tiến độ thực hiện của các dự án.



05 HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI NEXCHEM CO., LTD

Vào tháng 12/2015, SIBICO đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với NexChem, công ty hàng đầu của Hàn Quốc trong lĩnh vực cung cấp nguyên liệu cát thủy tinh. Với sự hợp tác này, hằng năm SIBICO xuất khẩu khoảng hai nghìn tấn cát trắng đã chế biến sang Hàn Quốc.



TỔNG QUAN

- *Tâm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi*
- *Lĩnh vực kinh doanh*
- *Công ty con & công ty liên kết*
- *Thông tin nhân sự chủ chốt*
- *Mô hình quản trị*
- *Định hướng phát triển*
- *Quản trị rủi ro*

TÂM NHÌN

BIDICO hướng tới khẳng định vị thế của một công ty uy tín, vững mạnh trong lĩnh vực phát triển hạ tầng công nghiệp và vật liệu xây dựng. Dựa trên nền tảng những lợi thế cạnh tranh đặc thù địa phương, sự chuẩn mực về quản trị, BIDICO cung cấp cho khách hàng sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn tối ưu giá trị cho khách hàng.

SỨ MỆNH

- **THAY ĐỔI** diện mạo cho ngành hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận;
- **THAY ĐỔI** phương thức khai thác chế biến tài nguyên thiên nhiên truyền thống, mang lại giá trị chế biến sâu cho ngành công nghiệp khoáng sản tại địa phương;
- **THAY ĐỔI** tình hình kinh tế, xã hội tại địa phương BIDICO hoạt động;
- **THAY ĐỔI** tác phong, tư duy đổi mới của cấp lãnh đạo;
- **THAY ĐỔI** tăng cao giá trị cho cổ đông và nhà đầu tư.

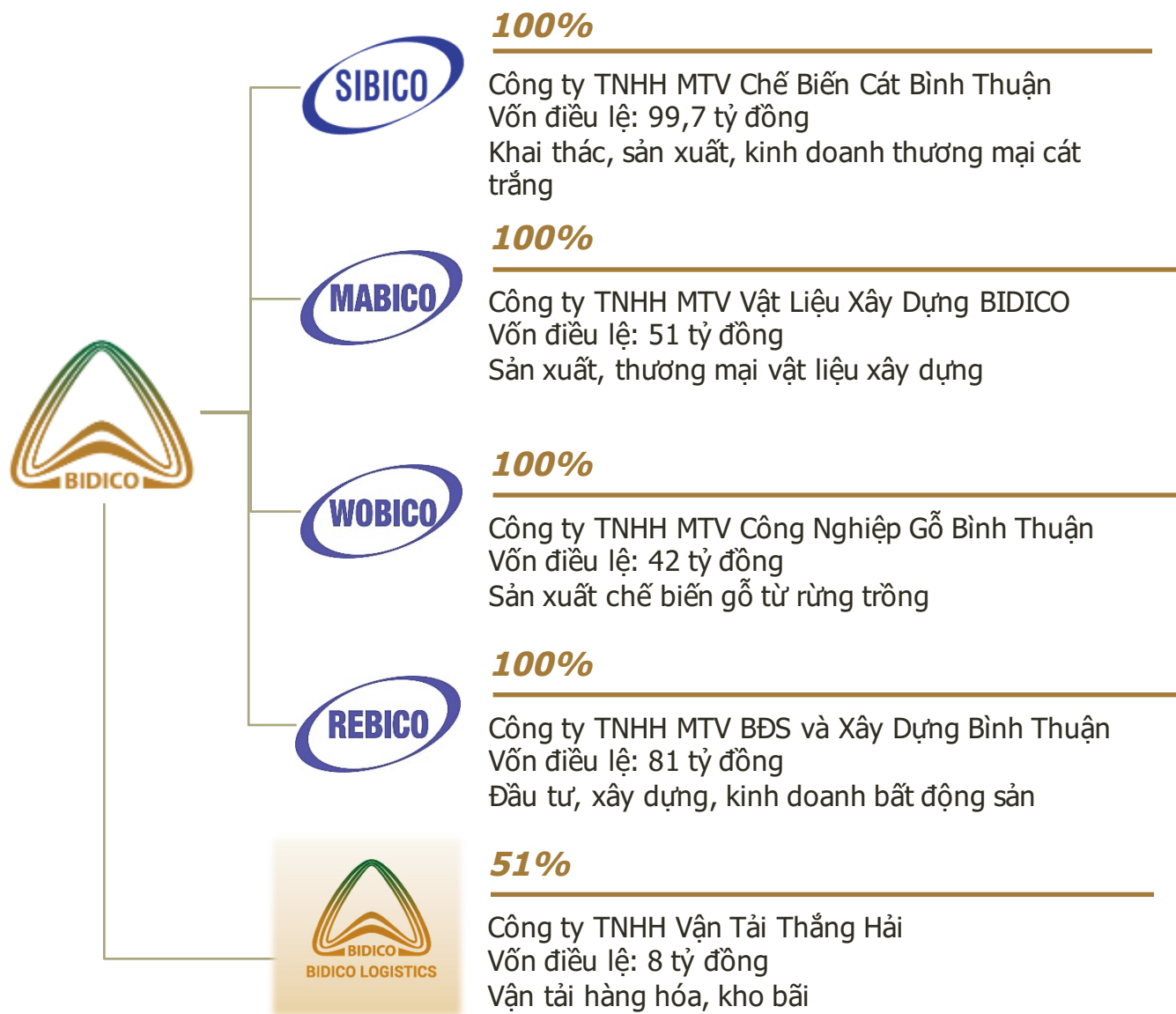


LĨNH VỰC KINH DOANH

BIDICO hoạt động trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng tại tỉnh Bình Thuận, từ đầu tư phát triển bất động sản công nghiệp, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng đến dịch vụ cảng, vận tải hàng hoá, trồng rừng và chế biến gỗ.



CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT



Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDICO	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	50 tỷ đồng	100%	Khai thác quặng kim loại không chứa sắt
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ Đồng Nai	30 tỷ đồng	100%	Trồng trọt, chăn nuôi liên hợp
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	25 tỷ đồng	100%	Chế biến thủy hải sản tươi khô các loại
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	20 tỷ đồng	52%	Bán buôn nông sản
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	200 tỷ đồng	80%	Kinh doanh cảng biển và dịch vụ cảng.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2015, cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị có một số thay đổi. Hội Đồng Quản Trị đã phê duyệt đơn từ nhiệm của ông Vũ Tuấn Hưng. Tiếp đó, với định hướng bổ sung thêm những thành viên Hội Đồng Quản Trị có uy tín và am hiểu về tình hình của công ty, Hội Đồng Quản Trị đã phê duyệt bổ nhiệm ông Phạm Ngọc An vào vị trí Thành viên Hội Đồng Quản Trị của BIDICO từ ngày 14/05/2015.



NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị & Thành viên sáng lập

- Sinh năm 1967.
- Ông là một trong ba thành viên sáng lập Công ty.
- Có bề dày hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và hơn 10 năm trong công tác quản trị điều hành.
- Trong suốt quá trình phát triển của Công ty, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng; với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng vượt bậc của BIDICO.
- Cổ phần sở hữu (chốt ngày 31/12/2015): 6.157.900 cổ phiếu, chiếm 11,74%.



NGUYỄN VĂN HOÀNG TV. HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

- Sinh năm 1961
- Thạc sỹ kinh tế
- Ông là nhà quản trị xuất sắc của BIDICO. Ông am hiểu mô hình và đặc thù kinh doanh của BIDICO, luôn tiên phong trong việc hiện đại hoá hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.



PHẠM NGỌC AN TV. HĐQT kiêm P. Tổng Giám Đốc

- Sinh năm 1984
- Là thành viên HĐQT từ ngày 14/05/2015. Ông hiện là Phó Tổng Giám Đốc, phụ trách SIBICO và là người đại diện công bố thông tin của công ty. Ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của BIDICO, có vai trò tư vấn là chỉ đạo các dự án lớn cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.



TRẦN TRƯỜNG VŨ TV. HĐQT kiêm P. Tổng Giám Đốc

- Sinh năm 1983
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng.
- Phụ trách khối Cơ điện, Cơ sở hạ tầng và Quản lý xây dựng.



PHAN CHÂU TV. HĐQT

- Sinh năm 1971
- Tham gia vào BIDICO từ những ngày đầu thành lập, ông có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của BIDICO, góp phần đưa BIDICO trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng tại tỉnh Bình Thuận.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



TĂNG KỲ ANH

Trưởng Ban Kiểm soát

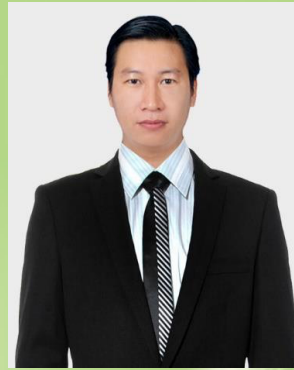
- Sinh năm 1985
- Ông là cử nhân Tài chính - Kế toán.
- Từ 08/2009 đến 01/2012: ông làm việc tại Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn.
- Từ 01/2012 đến 02/2013: ông là trợ lý Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Từ 02/2013 đến nay: Ông là Phó Giám Đốc Đầu Tư tại Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Từ ngày 14/05/2015 ông được bầu làm Trưởng Ban Kiểm Soát từ ngày 14/05/2015



TRIỆU QUANG QUÂN

Thành viên BKS

- Hiện tại ông đang là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Cty Bạc Mặt Trăng
- Ông từng học tập và làm việc tại nước ngoài. Với kiến thức cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, ông theo sát và có những tư vấn phù hợp giúp BIDICO ngày càng phát triển bền vững, hiệu quả trong công tác điều hành, kinh doanh.
- Ông được ĐHĐCĐ bầu vào vị trí thành viên ban kiểm soát trong ĐHCĐ thường niên 2014.



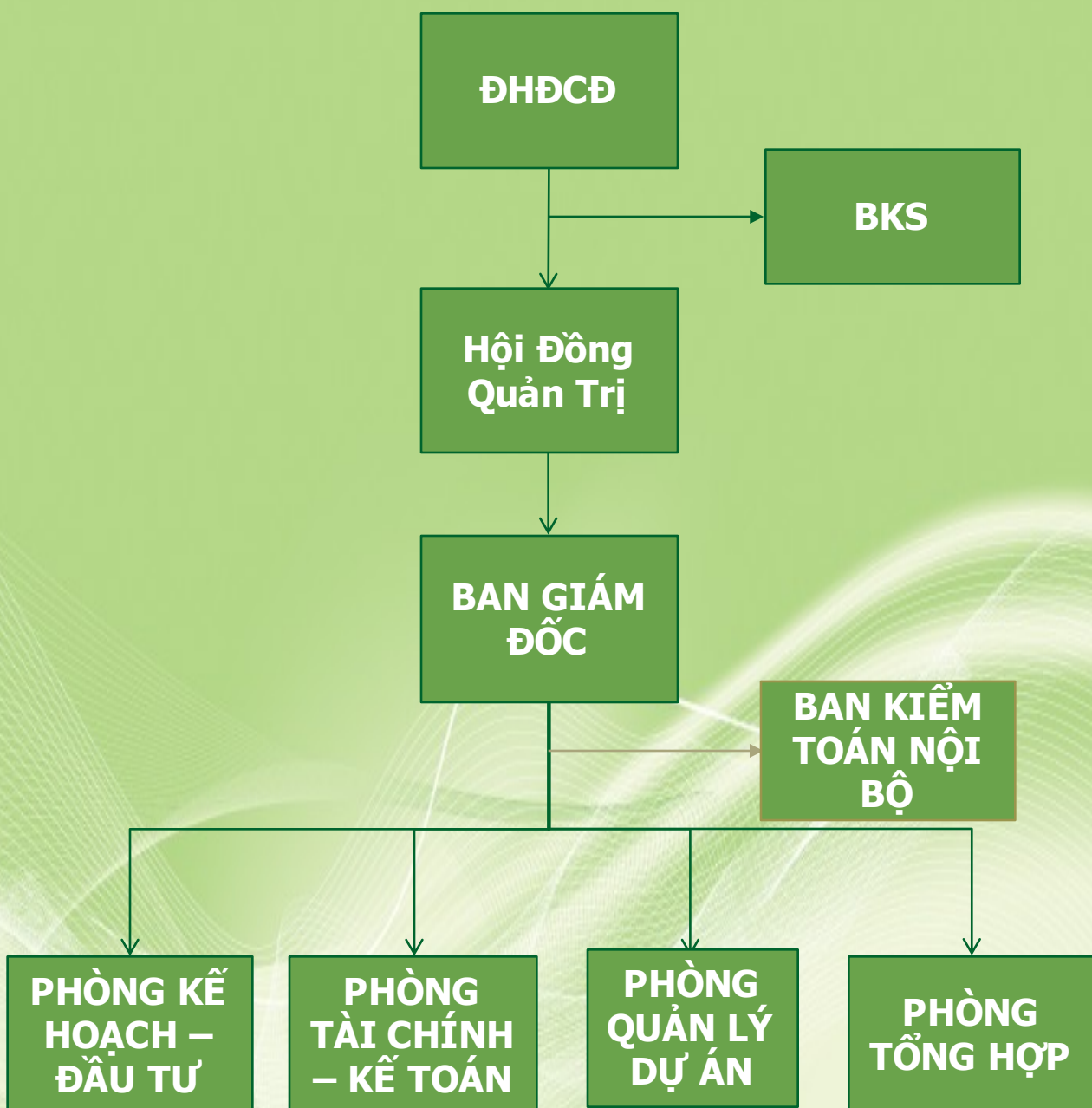
NGUYỄN LÊ THÀNH TRÍ

Thành viên BKS

- Ông là cử nhân quản trị kinh doanh trường ĐH Kinh tế Luật, giám đốc công ty Năng Lượng Xanh - một trong những đối tác quan trọng của BIDICO trong kế hoạch phát triển ngành năng lượng sinh học.
- Ông được ĐHĐCĐ bầu vào vị trí thành viên ban kiểm soát trong ĐHCĐ thường niên 2014.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Từ năm 2015, BIDICO đã gỡ bỏ hoàn toàn mô hình quản trị truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp; đồng thời, kế thừa và phát huy những điểm mạnh trước đây, đưa công ty bước sang một kỷ nguyên mới, đạt được nhiều thành công nhất định.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU 2016

Tăng nguồn thu từ sản phẩm cát trắng, gỗ, gạch và logistics

Lắp đầy diện tích thuê đất các cụm công nghiệp đã đầu tư

Phát triển thêm quỹ đất công nghiệp tại các tỉnh lân cận

Ổn định hoạt động sản xuất của các công ty con

Hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm



CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Hướng đến mô hình quản trị Holdings
- ✓ Số 1 về ngành sản xuất và chế biến cát trắng tại Việt Nam
- ✓ Dẫn đầu trong ngành cung cấp hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận
- ✓ Xây dựng nguồn lực tài chính vững mạnh



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✓ Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận
- ✓ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- ✓ Tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng
- ✓ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BIDICO luôn ý thức quản trị rủi ro tốt là nền tảng quan trọng để một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất là Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc tới các phòng ban; kết hợp với đó là việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến. BIDICO đã luôn giữ được sự ổn định trong mọi mặt hoạt động, hạn chế tối đa các rủi ro có thể. Chìa khóa của sự thành công này là tinh thần thượng tôn pháp luật, tuyệt đối minh bạch trong việc quản lý tài sản và sự tuân thủ chặt chẽ quy trình quản lý rủi ro mà Công ty đã cất công xây dựng từ ban đầu.

NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO CỦA BIDICO

Bên cạnh các rủi ro mang tính chung nhất, khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như: rủi ro kinh tế, rủi ro cạnh tranh, rủi ro lãi suất, rủi ro thiên tai... BIDICO còn phải đối mặt với các rủi ro mang tính đặc thù, riêng có do đặc điểm của ngành. Bao gồm:

Rủi ro từ hoạt động tài chính

Với việc đầu tư hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, các nguồn lực chia đều, dàn trải khiến BIDICO phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quản trị tài chính, kế hoạch dòng tiền, phân bổ nguồn vốn vào các dự án sao cho phù hợp với từng thời điểm, từng thời kỳ để tận dụng tối ưu nhất về nguồn lực tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán, khả năng trả lãi vay.

Rủi ro từ hoạt động đầu tư dự án

Với bề dày kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án lớn nhưng để đảm bảo an toàn, BIDICO luôn chú trọng công tác phân tích tiền khả thi dự án, phân tích thị trường, lựa chọn đúng thời điểm đầu tư và đặc biệt là công tác quản lý điều hành dự án để hạn chế những rủi ro chủ quan và khách quan.

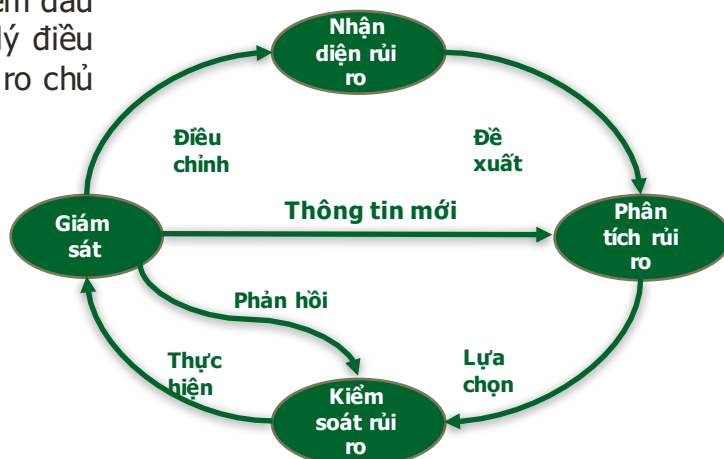
Rủi ro từ nguồn nhân lực

Rủi ro về nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng của BIDICO

Rủi ro pháp lý

Hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng cơ sở, khai thác chế biến cát... nên hầu như mọi hoạt động đầu tư đều liên quan đến pháp lý. Với cơ chế thủ tục hành chính chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập, đòi hỏi BIDICO phải luôn chủ động, linh hoạt để thích ứng, theo dõi sát sao những cải cách, những chính sách mới để nâng cao năng lực cạnh tranh, tiết kiệm thời gian và chi phí.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI BIDICO



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- *Bối cảnh kinh tế 2015*
- *Tình hình hoạt động kinh doanh*
- *Các sản phẩm tiêu biểu*
- *Tình hình tài chính*
- *Tổ chức và nhân sự*
- *Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án*
- *Báo cáo tác động môi trường và xã hội*

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ 2015

Bức tranh kinh tế Việt Nam 2015 nhìn chung vẫn có những điểm sáng hơn so với tình hình chung của kinh tế thế giới. GDP cả nước tăng 6,7%, mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm. Lạm phát ở mức 2%, thấp nhất trong 15 năm. Vốn đầu tư toàn xã hội gấp 1,8 lần so với 5 năm trước, trong đó sản xuất công nghiệp tăng hơn 10%. Năm bắt được những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế mà nổi bật là hoạt động đầu tư công nghiệp, BIDICO đã mạnh dạn tập trung nguồn lực đầu tư vào ngành hạ tầng công nghiệp, tạo cơ sở để thu hút đầu tư và phát triển các dự án của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hai mảng kinh doanh chính của BIDICO trong năm 2015 là kinh doanh cát trắng đã qua chế biến và hoạt động cho thuê hạ tầng công nghiệp.

Chỉ tiêu	2014	2015	%tăng
Doanh thu thuần	124,6 tỷ đồng	102,7 tỷ đồng	- 17,6%
Lợi nhuận sau thuế	33,2 tỷ đồng	10,7 tỷ đồng	-67,6%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 không thuận lợi so với năm 2014 mặc dù Ban Giám đốc công ty nỗ lực hết mình. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

- Doanh thu từ hoạt động cho thuê đất tại các Cụm công nghiệp đã ghi nhận vào doanh thu 2014;
- Cụm công nghiệp Tân Bình đang trong giai đoạn hoàn thiện nên chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư;
- Là năm đầu tiên đưa Nhà máy Chế biến cát trắng vào hoạt động, còn nhiều hạn chế về quy trình sản xuất nên số lượng sản phẩm không đạt kế hoạch ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Mặc dù với những kết quả không thuận lợi trong năm 2015, nhưng Công ty vẫn đạt được những thành công bước đầu khi mà sản phẩm cát trắng đã dần thâm nhập vào thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,... bước đầu mở đường cho mảng kinh doanh cát trắng phát triển vượt bậc.

Doanh thu thuần
102,7 tỷ đồng

Tỷ trọng xuất khẩu
70%

Tỷ suất LNST
10%

Kế hoạch Doanh thu
2016 tăng
10%

Kế hoạch LNST 2016
10%

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

CÁT TRẮNG SIBICO

Nguồn nguyên liệu cát trắng được khai thác tại mỏ cát trắng do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp phép. Nguyên liệu cát trắng được tuyển rửa, tách các tạp chất và khoáng vật kim loại, đồng thời phân loại cát theo kích thước hạt bằng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến không gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước. Hàng năm SIBICO cung cấp ra thị trường hơn 200.000 tấn cát.



Thông số kỹ thuật	Giá trị
- Cỡ hạt	
+ Cát hạt nhỏ – THS01	<0,3 mm
+ Cát hạt vừa – THS02	0,3 – 0,6 mm
+ Cát hạt to – THS03	>0,6mm
- Độ ẩm	3 - 4%
- Hàm lượng SiO2	>99,5%

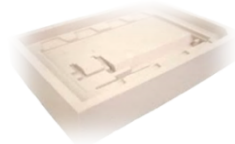
Sản xuất kính



Chai lọ thủy tinh



Khuôn đúc



Cung cấp cát trắng theo đơn hàng từ 100 đến 10.000 tấn, trong nước và xuất khẩu.

Giao hàng tại kho người mua tại các tỉnh Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương.

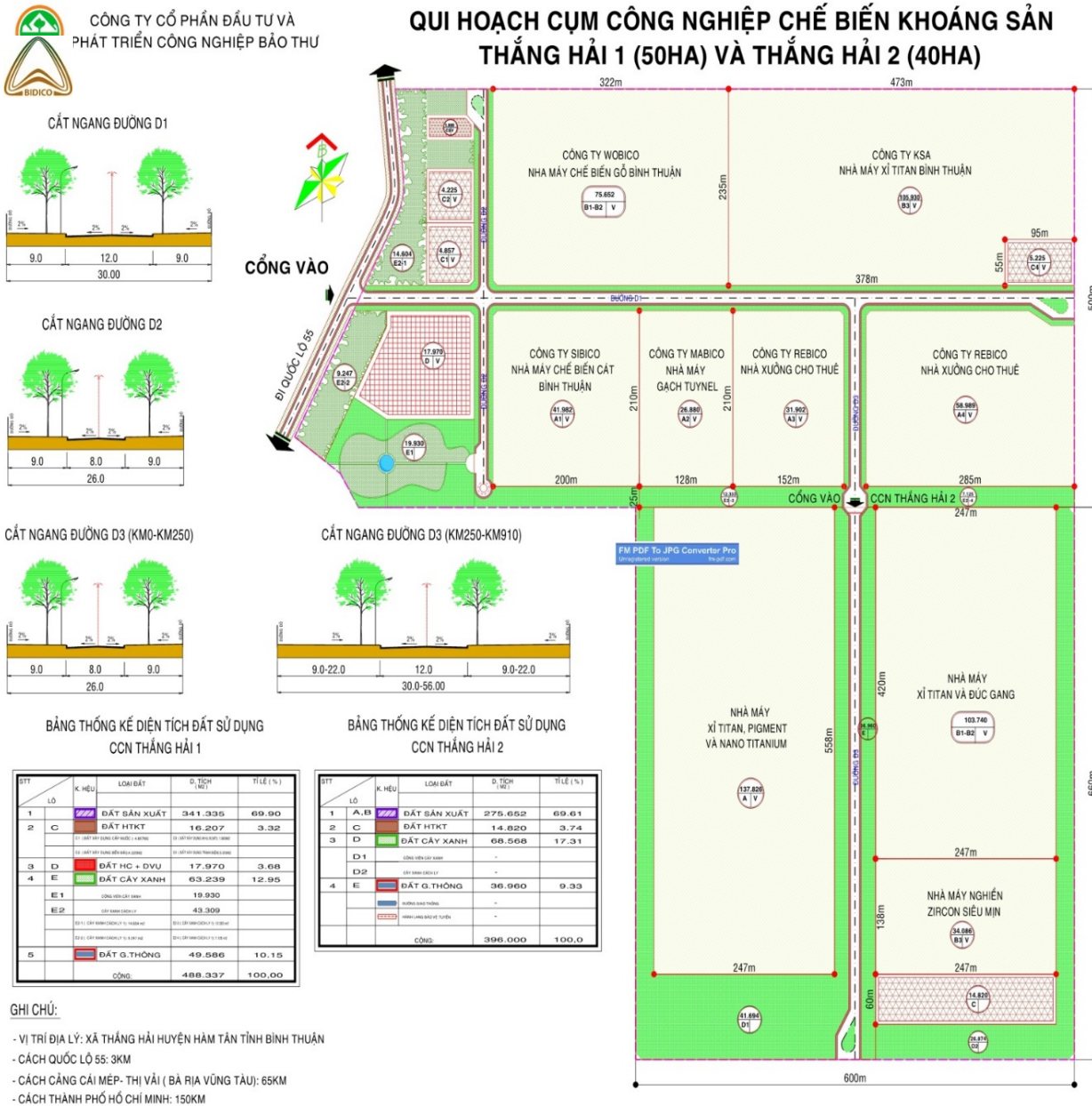
Chất lượng được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế.

Giá bán cạnh tranh, có thể thương lượng.

CHO THUÊ HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP

CỤM CÔNG NGHIỆP THẮNG HẢI 1&2

Với quỹ đất hơn 90 ha tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Cụm công nghiệp Thăng Hải được đưa vào khai thác để phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp tại địa bàn tỉnh Bình Thuận.



Bản đồ quy hoạch Cụm công nghiệp Thăng Hải

CỤM CÔNG NGHIỆP THĂNG HẢI 1&2

CÁC NGÀNH NGHỀ THU HÚT ĐẦU TƯ

Sản xuất chế biến gỗ	Sản xuất vật liệu xây dựng	Sản xuất thủy tinh	Chế biến khoáng sản
<ul style="list-style-type: none">• Gỗ dăm• Gỗ thanh• Gỗ veneer• Viên nén gỗ• Gỗ nội thất	<ul style="list-style-type: none">• Sản xuất gạch• Cát xây dựng	<ul style="list-style-type: none">• Kính thủy tinh• Chai lọ thủy tinh• Khuôn đúc thủy tinh	<ul style="list-style-type: none">• Chế biến titan• Sản xuất cát trắng• Khoáng sản khác

LỢI THẾ CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP THĂNG HẢI



CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH

Bình Thuận là địa phương có truyền thống về đánh bắt hải sản lâu đời, các cơ sở chế biến các sản phẩm sau đánh bắt nằm rải rác trong địa bàn tỉnh. Trước nhu cầu phát triển của đô thị, việc di dời các cơ sở chế biến hải sản có mùi nằm rải rác trong các khu dân cư là rất cần thiết. Vì vậy việc lập quy hoạch cụm công nghiệp chế biến hải sản có mùi nhằm giải quyết vấn đề trên, cũng như đáp ứng xu thế hiện đại hóa ngành, đảm bảo môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

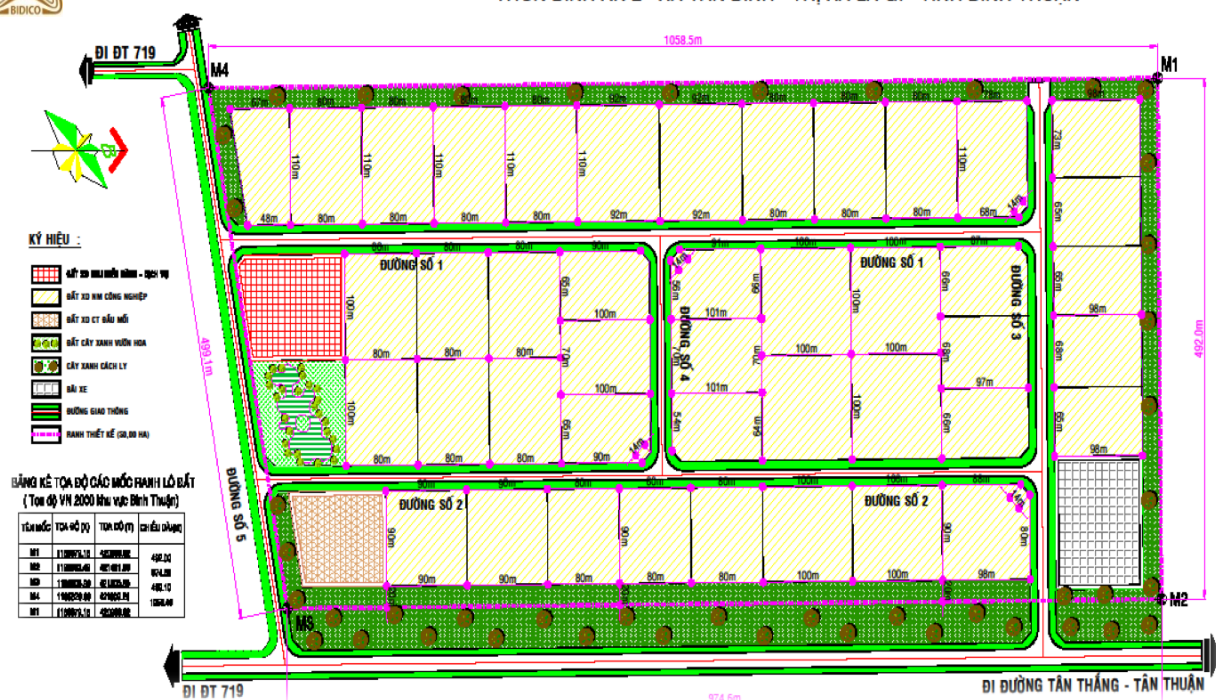
Hiện tại BIDICO đang mở bán hoặc cho thuê các Lô đất trong CCN để nhà đầu tư thực hiện các dự án của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

MẶT BẰNG QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH 1(50Ha)

THÔN BÌNH AN 2 - XÃ TÂN BÌNH - THỊ XÃ LA GI - TỈNH BÌNH THUẬN



NGÀNH NGHỀ THU HÚT ĐẦU TƯ

CCN TÂN BÌNH

Chế biến thủy hải sản, sản xuất bột cá, nước mắm

Phân bón, thức ăn gia súc, sản xuất nước đá

Kho lạnh, kho bãi, ngư cụ

CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH

LỢI THẾ CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH

- ▶ Giá thuê đất cạnh tranh, với từng lô đất diện tích phù hợp
- ▶ Giao thông thuận tiện
- ▶ Gần các hệ thống cảng

- Xa khu dân cư, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường
- Nguồn nước dồi dào, ổn định
- Xử lý nước thải theo QCVN 40

**CCN
Tân
Bình**

- Nguồn nhân lực dồi dào
- Thủ tục pháp lý nhanh chóng và thuận lợi
- Chính sách thuế ưu đãi

- ▶ Nằm trong vùng nguyên liệu phong phú, giá cả cạnh tranh, sản lượng lớn

GIAO THÔNG

Trung tâm thành phố lớn	TP. Hồ Chí Minh	167 Km
	TP. Phan Thiết	55 Km
	TP. Vũng Tàu	80 Km
Cảng biển	Cảng Cát Lái	141 Km
	Cảng Cái Mép	95 Km
	Cảng Phú Mỹ	96 Km
	Cảng Gò Dầu	100 Km
	Cảng Lagi	9 Km
Trục giao thông chính	Quốc lộ 55	6 Km
	Quốc lộ 1A	24 Km

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban giám đốc và Kế toán trưởng

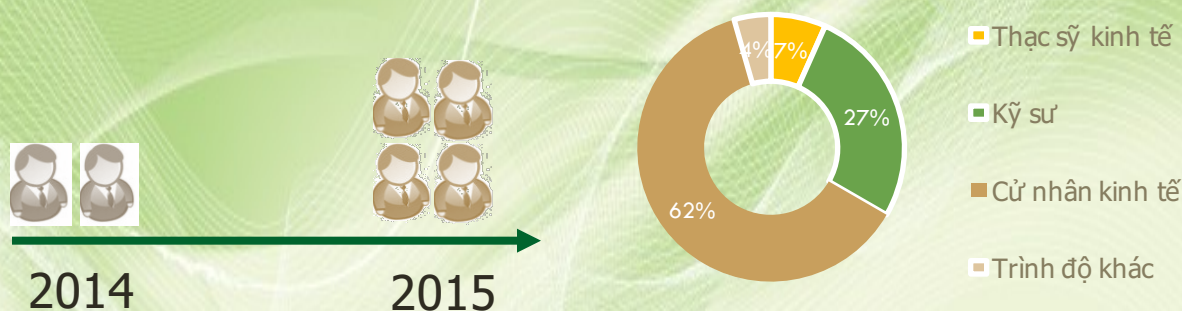
Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng giám đốc	0,26%
Ông Trần Trường Vũ	Phó tổng giám đốc	0,09%
Ông Phạm Ngọc An	Phó tổng giám đốc	0,35%
Ông Trần Thanh Sơn	Kế toán trưởng	0,00%

Các thay đổi trong Ban Giám đốc

- Tháng 05/2015 – Bổ nhiệm Ông Phạm Ngọc An làm Tổng giám đốc.
- Tháng 07/2015 – Bổ nhiệm Ông Trần Vũ Trung và Ông Nguyễn Quốc Anh làm Phó Tổng giám đốc.
- Tháng 07/2015 – Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hoàng làm Tổng Giám đốc, Ông Phạm Ngọc An làm Phó Tổng giám đốc, bổ nhiệm Ông Lê Văn Thật làm Kế toán trưởng.
- Tháng 10/2015 – Bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của Ông Nguyễn Quốc Anh và Ông Trần Vũ Trung.
- Tháng 03/2016 – Bổ nhiệm Ông Trần Thanh Sơn làm Kế toán trưởng.

Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách lao động

Tính đến cuối năm 2015, BIDICO hiện có khoảng 30 cán bộ nhân viên và hơn 100 công nhân đang làm việc tại các nhà máy.

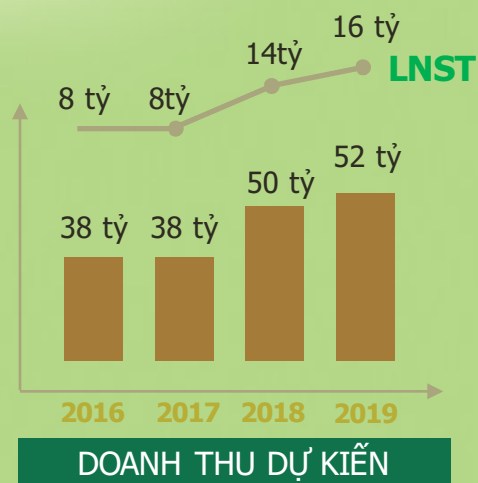
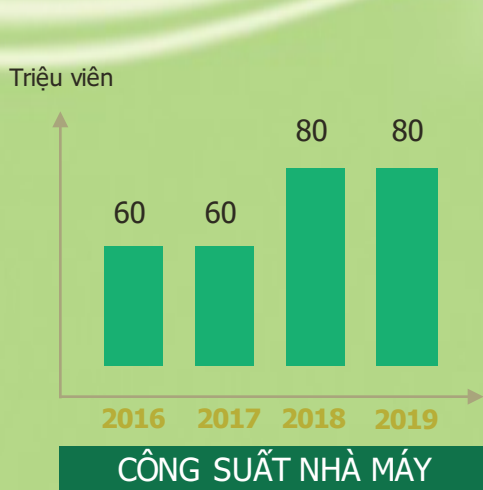


BIDICO áp dụng chính sách đãi ngộ công bằng; thù lao, lương, thưởng đều phụ thuộc vào sự công hiến của nhân viên đối với công ty. BIDICO cũng hướng đến sự thịnh vượng, đầy đủ trong đời sống vật chất và tinh thần để nhân viên an tâm tập trung cống hiến vào sự nghiệp phát triển chung của công ty.

Hàng năm BIDICO thường tổ chức những chuyến dã ngoại, tham quan với mục đích gây dựng tinh thần đoàn kết, giúp nhân viên thoải mái tinh thần, tạo thêm động lực làm việc, thể hiện đúng bản chất văn hóa trong BIDICO.

TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL BIDICO



- ❖ **Chủ đầu tư:** Công ty TNHH MTV Vật Liệu xây dựng BIDICO
- ❖ **Địa điểm:** Cụm công nghiệp Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
- ❖ **Tổng vốn đầu tư:** 94 tỷ đồng.
- ❖ **Thời gian xây dựng:** Tháng 10/2015 – Tháng 6/2016



NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL BIDICO (2)

Gạch Tuynel được tiêu thụ mạnh trên thị trường

Thị trường vật liệu xây dựng tại TP.HCM và các tỉnh Đông Nam Bộ đang có sự chuyển hướng tiêu dùng tích cực, trong đó đáng chú ý là sự chuyển hướng vào lựa chọn gạch Tuynel thay cho gạch nung thủ công.

Gạch Tuynel được sản xuất trên dây chuyền lò Tuynel nên gạch có chất lượng vượt trội, mẫu mã đẹp, độ cứng cao và độ hút nước thấp. Việc chọn và sử dụng gạch Tuynel đã mang lại nhiều lợi ích: nâng cao chất lượng công trình, chắc chắn hơn, ít thấm hơn đồng thời giảm chi phí xây thô và nhân công. Đây là một sự lựa chọn đúng của khách hàng vừa tiết kiệm chi phí cho chính mình vừa góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển các nhà máy gạch tuynel để hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm nguồn tài nguyên đất.

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường, vào tháng 06/2015, BIDICO đã quyết định đầu tư Nhà máy Sản xuất gạch Tuynel BIDICO với công suất 80 triệu viên/năm.

Nguyên liệu cho nhà máy được khai thác tại mỏ đất sét cách nhà máy 3km. Đây là mỏ được tỉnh Bình Thuận quy hoạch cho ngành vật liệu xây dựng.

Mặc dù Nhà máy đi vào hoạt động và sản xuất dự kiến tháng 06/2016 nhưng đến nay Công ty đã được nhiều đối tác, cửa hàng vật liệu xây dựng đặt hàng và cam kết bao tiêu 100% sản phẩm.

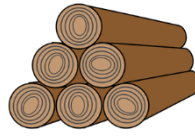


NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN

- 🌿 **Chủ đầu tư :** Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
- 🌿 **Địa điểm:** Cụm Công nghiệp Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
- 🌿 **Diện tích:** 7,56 ha
- 🌿 **Tổng vốn đầu tư :** 200 tỷ đồng
- 🌿 **Thời gian xây dựng :** Giai đoạn 1 T9/2015 – T4/2016



NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN



Trồng rừng

Khai thác gỗ

Nhà máy



Veneer

Công suất: 3 triệu m²/năm



Gỗ xẻ

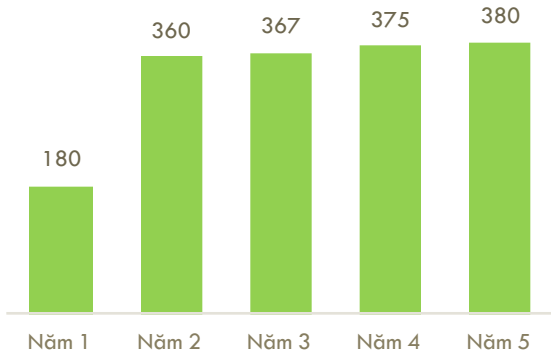
Công suất: 30.000 m³/năm



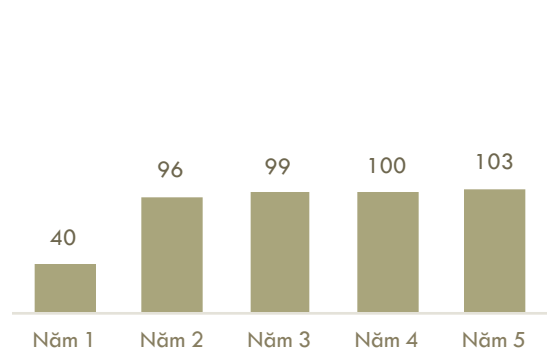
Gỗ dăm

Công suất: 50.000 tấn/năm

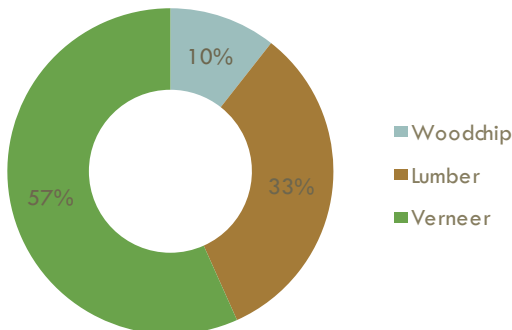
Doanh thu



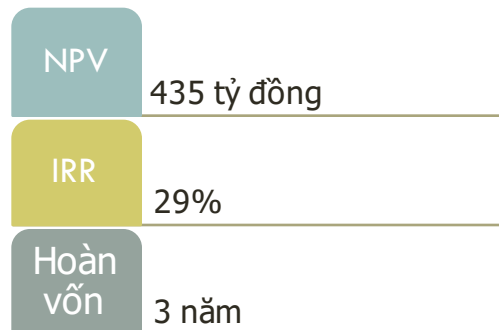
Lợi nhuận sau thuế



Cơ cấu lợi nhuận



Khả thi dự án



CẢNG LAGI

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY TẠI BÌNH THUẬN

Bình Thuận nằm trên tuyến lưu thông hàng hóa xuyên Á nhưng vẫn chưa có cảng nào có khả năng đáp ứng được yêu cầu của mắt xích này.

Hàng hóa trong khu vực Tây Nguyên, Bình Thuận, Ninh Thuận... vẫn phải đi đường bộ tập hợp về cảng Sài Gòn và ngược lại, gây tổn kém nhiều chi phí. Cảng Lagi sẽ giúp rút ngắn lộ trình và thời gian vận tải.

Với nhiều lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, Bình Thuận hứa hẹn sẽ là trung tâm kinh tế hiện đại với quy mô công nghiệp cao, điều này sẽ dẫn đến nhu cầu xuất nhập, khẩu hàng hóa nguyên vật liệu sản xuất rất lớn.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG LAGI

Cầu cảng phục vụ tàu bè; kho bãi phục vụ cho việc giao thương và xuất nhập khẩu hàng hóa. Giải quyết bài toán lưu thông hàng hóa và phục vụ hơn 2.500 tàu thuyền đánh bắt hải sản trong khu vực.

- Diện tích:** 13,5 ha
- Địa điểm:** Cửa Sông Dinh, Tx Lagi, tỉnh Bình Thuận
- Lưu lượng hàng :** 1.300 ngàn tấn/năm
- Tiến độ đầu tư:** Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý



DỊCH VỤ TẠI CẢNG



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

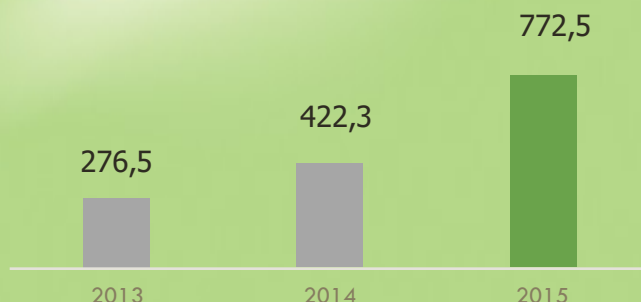
Tình hình tài sản

Đến thời điểm ngày 31/12/2015, tổng tài sản được ghi nhận là 772,5 tỷ đồng, tăng 83% so với cùng kỳ năm 2014.

Tỷ suất sinh lợi trên Tổng tài sản (ROA) là 1,4%.

Các khoản nợ phải thu xấu trong kỳ là 3,77 tỷ đồng, tăng hơn 78% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng chỉ chiếm khoản 12,5% tổng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2015.

Tổng tài sản



Tổng giá trị tài sản tăng

↑ 83%

So với năm 2014

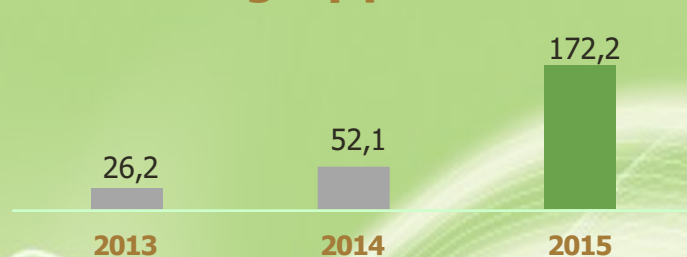
Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm ngày 31/12/2015, tổng các khoản nợ là 172,2 tỷ đồng, tăng 230,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó nợ ngắn hạn là 145,9 tỷ đồng, chiếm 84,7%, chủ yếu đến từ việc phát sinh chi phí phải trả ngắn hạn và phải trả cho người bán.

Nợ dài hạn chủ yếu là khoản thuê tài chính (23,4 tỷ đồng) để đầu tư vào đội xe vận tải phục vụ cho nhu cầu kinh doanh vận tải.

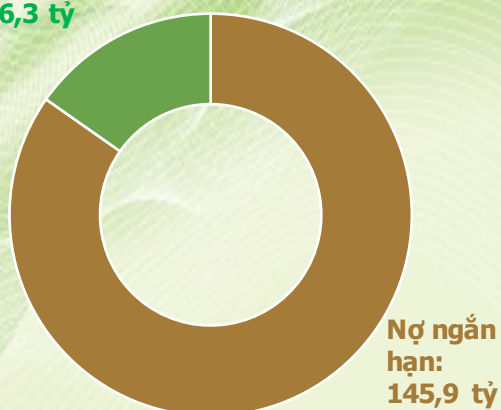
Hệ số Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu ở mức thấp là 0,29 lần. Tuy cao hơn so với mức 0,12 lần năm 2014 nhưng so với tính chất của ngành hạ tầng công nghiệp thì đang ở mức thấp, cho thấy được tiềm lực tài chính vững mạnh và khả năng huy động vốn để đầu tư các dự án.

Tổng nợ phải trả



Nợ dài hạn:
26,3 tỷ

Cơ cấu nợ 172,2 Tỷ



Hệ số Nợ/VCSH

0,29 lần

Hệ số Khả năng trả lãi

15,1 lần

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (2)

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	422,3 tỷ	772,5 tỷ	82,9%
Doanh thu thuần	124,5 tỷ	102,7 tỷ	-17,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42,9 tỷ	32,5 tỷ	-24,2%
Lợi nhuận khác	-0,2 tỷ	-16,3 tỷ	-80,5%
Lợi nhuận trước thuế	42,7 tỷ	16,2 tỷ	-62,1%
Lợi nhuận sau thuế	33,2 tỷ	10,8 tỷ	-67,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	68,2%	

Ghi chú: Trong năm 2015, BIDICO đã phát hành 10% cổ phiếu thưởng, tương ứng với 32,8 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

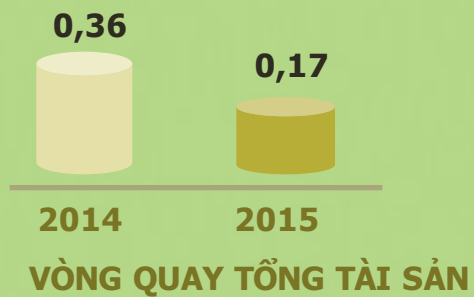
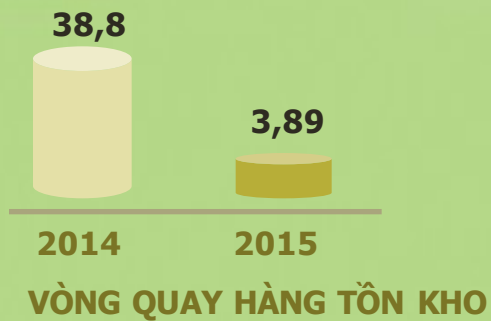


CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

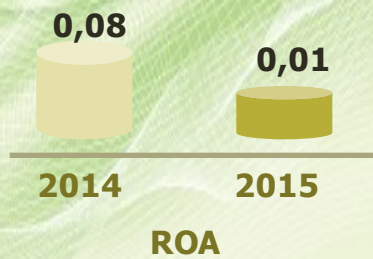
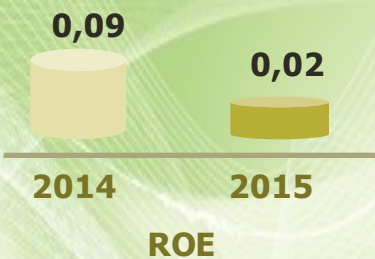
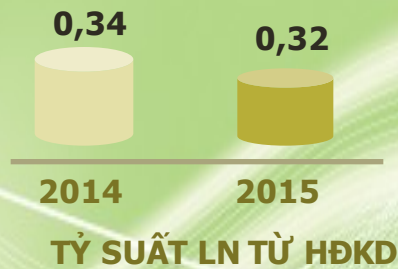
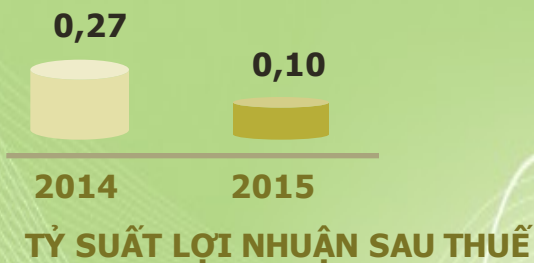


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (3)

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

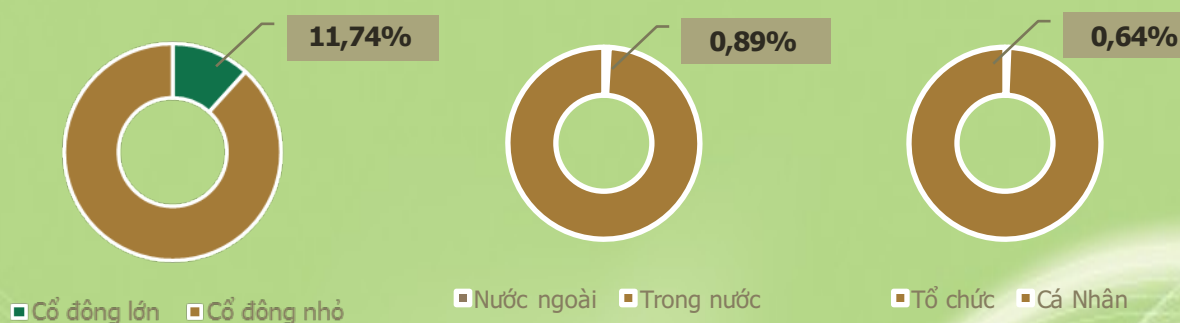


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG ĐẦU TƯ VCSH

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ	576.800.000.000 đồng
Mệnh giá	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	57.680.000 cổ phần
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	57.680.000 cổ phần
Sở giao dịch	HNX

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

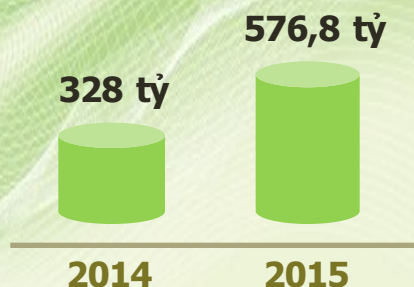


Ghi chú: Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, nắm giữ 11,74% cổ phần có quyền biểu quyết.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2015 BIDICO đã phát hành 21,928 triệu cổ phiếu. Trong đó:

- Phát hành 3,28 triệu cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Và phát hành 21,648 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

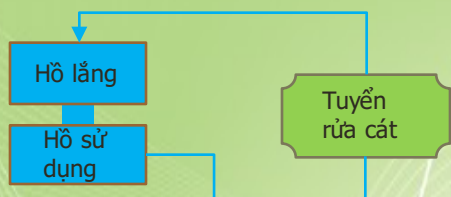
Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến cát mà nguồn nguyên liệu chủ yếu đến từ các mỏ cát đã được cấp phép của công ty. Qua quy trình tuyển rửa, tách hạt phức tạp, hơn 99% cát nguyên liệu đều ra thành phẩm, các thải còn lại là bùn đất tự nhiên được Công ty hoàn thổ lại môi trường.

Tiêu thụ nước

Công ty được các cơ quan chức năng cấp phép để sử dụng mạch nước ngầm tại nhà máy để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

Để giảm tối thiểu về nhu cầu nước phục vụ cho sản xuất Công ty đã tiến hành đào các hồ nước để dự trữ và quy trình tuyển rửa cát là hoàn toàn khép kín, lượng nước thất thoát chủ yếu là do bốc hơi.



Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty đều hỗ trợ địa phương trao học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp và kêu gọi để nâng cấp đường xá...



Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động vận hành dây chuyền tuyển rửa được Công ty cải tiến từ sử dụng năng lượng xăng dầu sang điện, góp phần hạn chế khí thải ra môi trường.

Với thiết bị hiện đại được đầu tư nghiên cứu kỹ nên hầu hết các thiết bị đều tiết kiệm điện mức tối đa.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BIDICO luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bằng việc tất cả các dự án của Công ty đều được các cơ quan chức năng thẩm tra và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tại văn phòng khoảng 30 người, số lượng công nhân hơn 100 công nhân.

Hàng năm, công ty đều có chính sách khám sức khỏe cho người lao động, tham gia các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động cho Công nhân.

Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nghiệp vụ, cho công nhân tiếp thu các kỹ năng làm việc tại các Nhà máy khác để nâng cao tay nghề. Hàng năm, công ty đều tạo cơ hội cho nhân viên có năng lực lên các chức vụ quản lý cấp trung để tạo lực lượng quản trị kế thừa cho BIDICO.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **ĐÁNH GIÁ VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**
- **ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
- **KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG**

ĐÁNH GIÁ VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu	130 tỷ	122,7 tỷ	94,4%
Lợi nhuận sau thuế	35 tỷ	10,8 tỷ	30,9%

Là doanh nghiệp với hơn 70% doanh thu đến từ xuất khẩu, năm 2015 BIDICO cũng bị tác động không ít bởi những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới.

Đánh giá về kết quả thực hiện các chiến lược đã đề ra

Chuyển đổi mô hình quản trị theo mô hình Công ty mẹ - con

- Để chuẩn hóa mô hình quản trị công ty theo hướng hiện đại, tiên tiến.
- Từng bước chuyển giao các dự án, nhà máy của BIDICO cho các công ty con quản lý, nhằm tách biệt hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị.
- Phát triển những dự án theo hướng thành lập các công ty con 100% vốn hoặc công ty liên kết để làm chủ đầu tư. BIDICO chỉ góp vốn và điều hành thông qua người đại diện vốn góp.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp

- Với vai trò chủ đạo trong phát triển bền vững của BIDICO, hạ tầng công nghiệp được xem như là nền tảng cho sự phát triển đó. Thấy được tầm quan trọng trong chuỗi giá trị, Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo sát sao trong việc đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp như Cụm công nghiệp Thăng Hải 1, Cụm công nghiệp Thăng Hải 2, Cụm công nghiệp Tân Bình 1 và sau đó là Cụm công nghiệp Thăng Hải 3, Cụm công nghiệp Tị An và Cụm công nghiệp Hưng Thịnh.

Đẩy mạnh hoạt động M&A

- M&A được xác định là một trong những hướng đi chiến lược giúp mang lại đột phá về năng lực cho BIDICO, đặc biệt trong giai đoạn BIDICO đang tích lũy những tài sản với giá vốn thấp để phục vụ cho mục phát triển dài hạn.

ĐÁNH GIÁ VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (2)

Công tác tổ chức nhân sự

- Năm 2015 đánh dấu bước chuyển mới trong hoạt động nhân sự của BIDICO với việc bổ nhiệm hàng loạt các vị trí quản lý cấp trung ở độ tuổi từ 25 đến 28 tuổi. BIDICO đang xây dựng một lực lượng kế thừa dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tế, đảm bảo trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Hoạt động tái cấu trúc lại bộ máy quản trị Công ty SIBICO trong năm vừa qua cũng đem lại nhiều kết quả khả quan.
- Tháng 7/2015, Hội Đồng Quản Trị đã bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Hoàng, người có những tư duy đổi mới, hiện đại, những chiến lược mang tính đột phá đã góp phần xây dựng BIDICO ngày càng chuyên nghiệp hơn.

Quan hệ cổ đông/nhà đầu tư

- Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2015 thành công trên tinh thần công khai, minh bạch.
- Hoàn thành chi trả hơn 21 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thành công cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 576,8 tỷ đồng.
- Hoàn thành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, công tác Công bố thông tin, báo cáo kịp thời theo đúng quy trình của cơ quan quản lý.

Định hướng phát triển bền vững

- BIDICO luôn hướng đến một sự phát triển bền vững ngay cả trong nội tại công ty và hướng đến môi trường bên ngoài.
- Với đội ngũ nhân viên trẻ năng động, chính sách lương thưởng phù hợp, môi trường làm việc học tập nhiều thử thách, văn hóa hiện đại, là những cơ sở để BIDICO thu hút và giữ chân nhân tài.
- Cơ chế quản trị hiện đại, Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát nội bộ luôn hoàn thành tốt trách nhiệm hướng đến sự vững mạnh và minh bạch trong tài chính.
- Năm 2015 BIDICO đã đóng góp hơn 10 tỷ đồng cho Ngân sách nhà nước và hơn 200 việc làm mới tại địa phương, đồng thời tích cực triển khai nhiều hoạt động xã hội và môi trường.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát

- Thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, Hội Đồng Quản Trị kết hợp cùng Ban Kiểm soát đã theo dõi và chỉ đạo kịp thời hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 nhằm hoàn thành mục tiêu do Đại Hội Đồng Cổ đông Thường niên 2015 thông qua.
- Chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện tốt hoạt động giám sát và tham mưu cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc về quản trị rủi ro.

Kết quả giám sát

- Hội Đồng Quản Trị đánh giá cao nỗ lực và tính kỷ luật của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu của năm 2015. Vì vậy trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh không thuận lợi là do nhiều yếu tố bên ngoài tác động.
- Ban Giám đốc đã đề xuất những thay đổi hợp lý, đảm bảo sự tăng trưởng như tái cấu trúc các đơn vị thành viên, bổ sung nguồn nhân lực trẻ cho Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Giám đốc đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị .

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Về cơ cấu tổ chức và quản trị Công ty

- Năm 2016, Hội Đồng Quản Trị tiếp tục tái cấu trúc toàn hệ thống theo mô hình Holding.
- Bổ sung những nhân sự cấp cao có trình độ chuyên môn cao để điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Công ty con.
- Tiếp tục xây dựng, đào tạo lực lượng kế thừa cho nhu cầu phát triển sắp tới.

Về hoạt động đầu tư và kinh doanh

- Tìm kiếm đối tác để cùng đầu tư xây dựng các dự án mang tính chiến lược của Công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng mạng lưới kinh doanh, hướng đến xuất khẩu làm chủ lực.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Hội Đồng Quản Trị

Thành viên và cơ cấu của Hội Đồng Quản Trị

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Kiểm nhiệm trong Hội Đồng Quản Trị công ty khác
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Thành viên điều hành	11,74%	Không có
Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV.Hội Đồng Quản Trị Thành viên điều hành	0,26%	Không có
Ông Phạm Ngọc An	TV.Hội Đồng Quản Trị Thành viên điều hành	0,35%	Không có
Ông Trần Trường Vũ	TV.Hội Đồng Quản Trị Thành viên điều hành	0,09%	Không có
Ông Phan Châu	TV.Hội Đồng Quản Trị Thành viên điều hành	0,18%	Không có

Số buổi họp của Hội Đồng Quản Trị

Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Dũng	8/8	100%
Ông Nguyễn Văn Hoàng	8/8	100%
Ông Phạm Ngọc An	7/8	88%
Ông Trần Trường Vũ	8/8	100%
Ông Phan Châu	8/8	100%

Hội Đồng Quản Trị (2)

Nội dung kết quả các cuộc họp

Nội dung và kết quả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị thể hiện qua các Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	39/2015/NQ-Hội Đồng Quản Trị	09/04/2015	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2015
2	64/2015/NQ-Hội Đồng Quản Trị	13/05/2015	Bổ nhiệm ông Phạm Ngọc An làm Tổng Giám đốc công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư
3	75/2015/NQ-Hội Đồng Quản Trị	27/05/2015	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hoàng làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thay thế ông Nguyễn Văn Dũng. Ông Nguyễn Văn Dũng tiếp tục giữ chức vụ Thành viên Hội Đồng Quản Trị
4	125/2015/QĐ-Hội Đồng Quản Trị	06/07/2015	Bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Anh làm Phó TGD
5	126/2015/QĐ-Hội Đồng Quản Trị	06/07/2015	Bổ nhiệm ông Trần Vũ Trung làm Phó TGD
6	146/2015/NQ-Hội Đồng Quản Trị	27/07/2015	Chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015
7	149/2015/NQ-Hội Đồng Quản Trị	28/07/2015	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị . Ông Nguyễn Văn Hoàng thôi chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị để giữ chức vụ Thành viên Hội Đồng Quản Trị và TGD. Ông Phạm Ngọc An thôi chức vụ TGD để giữ chức vụ Phó TGD . Bổ nhiệm ông Lê Văn Thật giữ chức Kế toán trưởng công ty thay cho bà Lê Thị Thanh Thảo
8	191/2015/BIDICO/NQ-Hội Đồng Quản Trị	18/09/2015	Xử lý số cổ phần của cổ đông hiện hữu không đặt mua hết trong đợt chào bán cổ phần ra công chúng năm 2015
9	219/2015/BIDICO/Hội Đồng Quản Trị -QĐ	13/10/2015	Bãi nhiệm chức vụ Phó TGD của ông Trần Vũ Trung
10	223/2015/BIDICO/Hội Đồng Quản Trị -QĐ	21/10/2015	Ông Nguyễn Quốc Anh thôi giữ chức Phó TGD để giữ chức vụ Phó GD công ty TNHH MTV VLXD BIDICO

Ban Kiểm Soát

Thành viên và cơ cấu của BKS

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng ban	0,00%
Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên	0,00%
Ông Triệu Quan Quân	Thành viên	0,00%

Các cuộc họp và kết quả làm việc của BKS

STT	Ngày họp	Số lượng	Nội dung
1	20/03/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none">- Lập kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2015- Xem xét, rà soát BCTC năm 2014 trước khi công bố
2	15/06/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét việc phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty- Xem xét BCTC QII.2015
3	10/08/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none">- Thảo luận, xem xét BCTC QIII.2015- Rà soát lại hoạt động của BGD, xem xét kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2014
4	20/12/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none">- Lập báo cáo kiểm soát năm 2015- Thảo luận BCTC QIV.2015- Đánh giá kết quả hoạt động của BGD

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị			40	
2	Ông Phan Châu	TV Hội Đồng Quản Trị			4	
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV Hội Đồng Quản Trị			4	
4	Ông Trần Trường Vũ	TV Hội Đồng Quản Trị			4	
5	Ông Phạm Ngọc An	TV Hội Đồng Quản Trị			4	

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Lợi ích	Thù lao
1	Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng ban				3
2	Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên				2
3	Ông Triệu Quang Quân	Thành viên				2

BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TGD	40			
4	Ông Trần Trường Vũ	P.TGD	30			
5	Ông Phạm Ngọc An	P.TGD	30			

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Ông Nguyễn Văn Dũng	CĐNB	4.600.000	7,97%	6.157.900	10,67%	Mua; cổ phiếu thưởng
02	Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Liên quan đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	9.177.000	15,91%	0	0%	Bán
03	Ông Nguyễn Văn Hoàng	CĐNB	0	0%	150.000	0,26%	Mua
04	Ông Nguyễn Văn Khương	Liên quan đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	0	0%	0	0%	Mua/Bán
05	Công ty TNHH Đầu tư Vĩnh Thụy	Liên quan đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	0	0%	5.000.000	8,67%	Mua
06	Ông Phạm Ngọc An	CĐNB	0	0%	200.000	0,35%	Mua
07	Ông Trần Trường Vũ	CĐNB	5.000	0,005%	55.500	0,096%	Cổ phiếu thưởng; Mua
08	Ông Phan Châu	CĐNB	50.000	0,088%	105.000	0,18%	Cổ phiếu thưởng; Mua

Bình Thuận, ngày 20/04/2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ và các công ty con đã trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đi đầu hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Trần Trường Vũ

Ông Phan Châu

Ông Vũ Tuấn Hưng

Ông Phạm Ngọc An

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/07/2015)

Chủ tịch(miễn nhiệm ngày 28/07/2015)

Phó Chủ Tịch (bổ nhiệm ngày 28/07/2015)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 14/05/2015)

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 14/05/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Phạm Ngọc An

Ông Phan Châu

Ông Nguyễn Quốc Anh

Ông Trần Trường Vũ

Ông Trần Vũ Trung

Tổng Giám đốc(bổ nhiệm ngày 28/07/2015)

Tổng Giám đốc(miễn nhiệm ngày 28/07/2015)

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/07/2015)

Tổng Giám đốc(miễn nhiệm ngày 13/05/2015)

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/10/2015)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/10/2015)

Ban Kiểm Soát

Ông Nguyễn Quang Minh

Ông Tăng Kỳ Anh

Ông Triệu Quang Quân

Ông Nguyễn Lê Thành Trí

Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 14/05/2015)

Trưởng BKS(bổ nhiệm ngày 14/05/2015)

Thành viên BKS

Thành viên BKS

:

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp nhất tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu ra các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh

một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Văn Hoàng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 07.15.327/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thủ, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hưng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Email: aishn@hn.vnn.vn

Branch in Đà Nẵng : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Tel : (0511) 371 5619

Fax : (0511) 371 5620

Email: aiscnt@dn.vnn.vn

Representative in Cần Thơ : 488/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City

Tel : (0710) 3813 004

Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel : (031) 3569 577

Fax : (031) 3569 576

Trang 4/31

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo về việc số dư đầu kỳ (01/01/2015) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ đã được điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ như đã được trình bày tại mục 5.VIII - trang 29 và 30 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC)

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN VINH

Số GCNĐKHNKT số: 0112-2013-05-01

Bộ tài chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters.

TRẦN HẢI SƠN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2172-2013-05-01

Bộ tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		129,148,312,717	52,114,602,737
I. Nợ ngắn hạn	310		122,037,130,638	43,683,470,658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17,798,269,718	1,572,822,176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,273,178,800	384,127,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	23,740,853,096	25,069,823,595
4. Phải trả người lao động	314		658,902,580	757,217,892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	56,275,541,983	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	13,636,472,461	8,407,863,395
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1,653,912,000	7,491,616,000
II. Nợ dài hạn	330		7,111,182,079	8,431,132,079
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	7,111,182,079	8,431,132,079
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	595,974,185,784	370,209,298,925
I. Vốn chủ sở hữu	410		595,974,185,784	370,209,298,925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	328,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	328,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,174,185,784	42,209,298,925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9,409,298,925	16,522,124,143
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9,764,886,859	25,687,174,782
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		725,122,498,500	422,323,901,662

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt)

Ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		129,148,312,717	52,114,602,737
I. Nợ ngắn hạn	310		122,037,130,638	43,683,470,658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17,798,269,718	1,572,822,176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,273,178,800	384,127,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	23,740,853,096	25,069,823,595
4. Phải trả người lao động	314		658,902,580	757,217,892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	56,275,541,983	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	13,636,472,461	8,407,863,395
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1,653,912,000	7,491,616,000
II. Nợ dài hạn	330		7,111,182,079	8,431,132,079
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	7,111,182,079	8,431,132,079
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	595,974,185,784	370,209,298,925
I. Vốn chủ sở hữu	410		595,974,185,784	370,209,298,925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	328,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	328,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,174,185,784	42,209,298,925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9,409,298,925	16,522,124,143
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9,764,886,859	25,687,174,782
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		725,122,498,500	422,323,901,662

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Đã ký)
Người lập biểu
Nguyễn Đình Việt

(Đã ký)
Kế toán trưởng
Trần Thanh Sơn

(Đã ký)
Tổng Giám Đốc
Nguyễn Văn Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		116,710,960,815	116,308,215,604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		20,077,265,319	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
3. vụ	10	VI.01	96,633,695,496	116,308,215,604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	48,410,033,568	69,824,878,902
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
5. vụ	20		48,223,661,928	46,483,336,702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	135,722,481	1,789,175,648
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2,270,511,790	947,123,175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,144,757,931	947,123,175
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1,186,476,000	938,823,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	13,721,468,349	6,615,701,398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,180,928,269	39,770,864,777
11. Thu nhập khác	31		29,938,902	277,090,979
12. Chi phí khác	32	VI.07	16,340,840,941	5,527,517,972
13. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(16,310,902,039)	(5,250,426,993)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,870,026,230	34,520,437,784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5,105,139,371	8,833,263,002
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,764,886,860	25,687,174,782

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Đã ký)
Người lập biểu
Nguyễn Đình Việt

(Đã ký)
Kế toán trưởng
Trần Thanh Sơn

(Đã ký)
Tổng Giám Đốc
Nguyễn Văn Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14,870,026,230	34,520,437,784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	664,288,110	370,150,712
Các khoản dự phòng	03	4,705,052,514	-
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1,428,306)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134,294,175)	(1,659,043,082)
Chi phí lãi vay	06	1,144,757,931	947,123,175
Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21,248,402,304	34,178,668,589
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	21,281,152,524	(92,844,214,005)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3,205,063,405	(3,218,111,000)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	90,856,437,314	9,345,183,295
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(8,316,032,797)	234,818,118
Tiền lãi vay đã trả	14	(1,397,194,446)	(947,123,175)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11,774,928,306)	(11,000,000,000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(170,020,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115,102,899,997	(64,420,798,178)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(43,608,201,525)	(68,910,229,372)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	270,000,000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(33,500,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,000,000,000	31,500,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(273,650,134,350)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	101,254,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134,294,175	1,789,175,648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(315,124,041,700)	(68,749,799,724)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	216,000,000,000	100,000,000,000
Tiền thu từ đi vay	33	2,363,407,648	26,712,903,079
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9,521,061,648)	(16,790,155,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208,842,346,000	109,922,748,079
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8,821,204,297	(23,247,849,823)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,014,646,642	24,262,496,465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,428,306	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9,837,279,245	1,014,646,642

(0)

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Đã ký)
Người lập biểu
Nguyễn Đình Việt

(Đã ký)
Kế toán trưởng
Trần Thanh Sơn

(Đã ký)
Tổng Giám Đốc
Nguyễn Văn Hoàng

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

c Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu (‘‘Công ty’’) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 02/10/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn đầu lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 576.800.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Pháo dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng); Kinh doanh bất động sản, quy hoạch sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

5. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Danh sách các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát BIDICO	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV BDS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thu Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80.00%	80.00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thu	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52.00%	52.00%

Danh sách các Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28.00%	28.00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1. Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương

1. đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro rui ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân giá

quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường

xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc

05 - 10 năm

Máy móc thiết bị

05 - 08 năm

Phương tiện vận tải

05 - 08 năm

Dụng cụ quản lý

03 năm

Quyền sử dụng đất

Theo thời hạn thuê

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí liên quan đến mở cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Thu nhập khác, bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xây ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao tài sản, ..

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp do năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	166,421	971,935,003
Tiền gửi ngân hàng (*)	9,837,112,824	42,711,639
Cộng	9,837,279,245	1,014,646,642

(*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 455,34 USD tương đương 10.226.937 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC	-	75,000,000,000
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA	-	21,981,195,000
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	28,614,120,000	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận (bên liên quan)	1,683,656,713	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	812,843,330	463,829,000
Cộng	31,110,620,043	97,445,024,000

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	9,947,616,840	120,000,000
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	3,905,512,042	4,458,040,250
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	-	1,263,192,000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10,000,000,000
- Trả trước nhà cung cấp khác	1,054,493,400	74,622,238,810
Cộng	14,907,622,282	90,463,471,060

b) Dài hạn

- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1,265,000,000	1,265,000,000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	10,000,000,000	-
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1,263,192,000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	782,461,310	1,761,714,740
Cộng	13,310,653,310	3,026,714,740

4. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	15,704,000,000	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mở cát Tân Hà	648,150,000	-	-	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức	2,060,801,033	-	736,633,360	-
- Các khoản cho mượn tiền và chỉ hộ cho các bên liên quan	2,217,192,225	-	-	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các Cá nhân	209,000,000	-	-	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	53,600,000	-	158,711,000	-
- Các khoản tạm ứng	85,012,287,777	-	1,414,587,132	-
- Phải thu khác	24,219,900	-	1,070,504,088	-
Cộng	105,929,250,935	-	3,380,435,580	-

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	182,661,000	-	167,020,000	-
Cộng	182,661,000	-	167,020,000	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.10.2)	1,450,812,461	3,619,892,343

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463,829,000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	463,829,000	-	TT quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
- Các khoản trả trước người bán quá hạn từ 1-2 năm	390,367,310	-	Các đối tượng khác			
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1,263,192,000	-	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1,263,192,000	-	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
	1,265,000,000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước			
	392,094,000	-	Các đối tượng khác	380,817,740	-	Các đối tượng khác
Cộng	3,774,482,310			2,107,838,740		

Chi tiết dự phòng phải thu:

Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3 579,298,655)
Giảm (do xóa nợ)	-
Số dư cuối năm	(3 579,298,655)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7. Hàng tồn kho				
- Thành phẩm	103,373,923	-	-	-
- Hàng hóa	237,005,910	-	3,545,443,238	-
Cộng	340,379,833		3,545,443,238	

	Số cuối năm					Cộng
	Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	
Số dư đầu năm	967,944,944	562,150,000	1,448,575,818	45,340,909	3,024,011,671	
Mua trong năm	1,619,893,447	2,229,000,000	797,445,455	-	4,646,338,902	
Giảm do góp vốn	1,679,393,447	2,791,150,000	681,818,181	45,340,909	5,197,702,537	
Giảm khác	-	-	14,730,364	-	14,730,364	
Số dư cuối năm	908,444,944		1,549,472,728		2,457,917,672	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	700,495,866	272,883,091	112,569,450	2,518,939	1,088,467,346	
Khấu hao trong năm	139,471,181	217,783,719	295,697,980	11,335,229	664,288,110	
Giảm do góp vốn	96,749,736	490,666,810	151,515,155	13,854,168	752,785,870	
Giảm khác	-	-	1,211,618	-	1,211,618	
Số dư cuối năm	743,217,311		255,540,657		998,757,968	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	267,449,078	289,266,909	1,336,006,368	42,821,970	1,935,544,325	
Tại ngày cuối năm	165,227,633		1,293,932,071		1,459,159,704	

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành; Giảm do góp vốn và điều chỉnh nguyên giá tài sản.
 Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.260.705.177 đồng (nguyên giá là 1.549.472.728 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.
 Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
9. Tài sản cố định vô hình				
Nguyên giá	64,362,455,367	-	64,362,455,367	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	64,362,455,367			

Tài sản cố định vô hình giảm trong năm do phân loại sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang (khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Số cuối năm	Số đầu năm		
Mỏ Cát trắng		-	7,119,723,400		
Mỏ Cát xây dựng Tân Hà		-	5,335,196,377		
Nhà máy Cát	(10.1)	-	13,442,643,022		
Cụm công nghiệp Thăng Hải I		64,171,892,648	101,998,458,619		
Cụm công nghiệp Thăng Hải II		95,652,877,965	16,302,508,901		
Cụm công nghiệp Tân Bình		3,631,535,154	1,921,679,700		
Xưởng chế biến Đá Thạch Anh		-	189,873,339		
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận	(10.2)	66,284,893,060	-		
Dự án Sông Dinh		220,000,000	-		
Cộng		229,961,198,827	146,310,083,358		
(10.1) Bao gồm:					
- Chi phí dự án đầu năm		13,442,643,022			
- Chi phí phát sinh trong năm		10,336,605,061			
- Giảm do góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận		(23,779,248,083)			
- Số dư cuối năm		-			
(10.2) Bao gồm:					
	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 31/12/2015	Giá trị còn lại đến 31/12/2015
Quyền sử dụng đất	9,571,758,800	(7,513,659,992)	-	(297,045,189)	1,761,053,619
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32,033,148,574				32,033,148,574
- Tài sản khác:					
+ <i>Liên quan đến Cảng Lagi</i>	32,440,287,867				32,440,287,867
+ <i>Tài sản chờ xử lý</i>	1,450,812,461		(1,450,812,461)		-
- Chi phí xây dựng	50,403,000				50,403,000
Cộng	75,546,410,702	(7,513,659,992)	(1,450,812,461)	(297,045,189)	66,284,893,060
11. Đầu tư tài chính dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm		
Đầu tư vào công ty con	(*)	298,025,405,653	-		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(*)	(1,125,753,859)	-		
Cộng		296,899,651,794	-		
(*) Bao gồm:	Tỷ lệ	Vốn phải góp	Vốn thực góp tại 31/12/2015	Dự phòng tại ngày 31/12/2015	
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	100%	25,000,000,000	99,293,940,403	-	
- Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	100%	68,000,000,000	81,000,000,000	(164,233,188)	
- Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	100%	25,000,000,000	47,392,919,000	(651,357,762)	
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	100%	20,000,000,000	36,029,614,400	(177,208,791)	
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thụ Gò Dầu	80%	160,000,000,000	30,048,931,850	(15,251,384)	
- Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	52%	10,400,000,000	100,000,000	(52,056,529)	
- Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	52%	4,160,000,000	4,160,000,000	(65,646,205)	
Cộng			298,025,405,653	(1,125,753,859)	
12. Chi phí trả trước		Số cuối năm	Số đầu năm		
a) Ngắn hạn					
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		12,333,334	7,851,364		
b) Dài hạn					
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Hương chờ phân bổ		7,000,060,927	-		
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2		1,311,489,900	-		
Cộng		8,311,550,827	-		
13. Phải trả người bán ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận (bên liên quan)	15,178,684,590	15,178,684,590	-	-	
- Phải trả cho các đối tượng khác	2,619,585,128	2,619,585,128	1,572,822,176	1,572,822,176	
Cộng	17,798,269,718	17,798,269,718	1,572,822,176	1,572,822,176	
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp					
- Thuế GTGT	4,385,944,131	9,548,988,276	6,495,776,896	7,439,155,511	
- Thuế TNDN	14,663,880,843	5,105,139,371	11,774,928,306	7,994,091,908	
- Thuế TNCN	14,707,495	73,813,876	10,996,726	77,524,645	
- Tiền thuế đất	174,754,890	386,274,590	-	561,029,480	
- Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường	777,150,830	1,073,250,000	13,500,000	1,836,900,830	
- Thuế khác	-	5,000,000	5,000,000	-	
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	5,053,385,406	1,289,969,036	511,203,720	5,832,150,722	
Cộng	25,069,823,595	17,482,435,149	18,811,405,648	23,740,853,096	

b) Phải thu							
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	-	-	-	-	3,370,000,000	-	(3,370,000,000)
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	-	-	-	-	1,000,000,000	-	(1,000,000,000)
Cộng	-	-	-	-	4,370,000,000	-	(4,370,000,000)
15. Chi phí phải trả ngắn hạn					Số cuối năm		Số đầu năm
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng					13,213,829,846		-
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng					23,779,248,760		-
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả					19,167,940,077		-
- Chi phí lãi vay phải trả					4,715,600		-
- Chi phí dịch vụ phải trả khác					109,807,700		-
Cộng					56,275,541,983		-
16. Phải trả ngắn hạn khác					Số cuối năm		Số đầu năm
Ngắn hạn							
- Khoản tiền mượn từ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng Á Châu					-		200,000,000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn					2,287,923,537		-
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt					100,000,000		-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I					1,293,041,952		1,403,929,681
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II					6,803,933,715		6,803,933,715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác					3,151,573,258		-
Cộng					13,636,472,461		8,407,863,395
17. Vay và nợ thuê tài chính							
		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
a) Vay ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- NH Liên doanh Việt Thái	5,500,000,000	5,500,000,000	-	5,500,000,000	-	-	
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	1,991,616,000	1,991,616,000	1,329,594,648	3,321,210,648	-	-	
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	1,653,912,000	1,653,912,000	
Cộng	7,491,616,000	7,491,616,000	1,329,594,648	8,821,210,648	1,653,912,000	1,653,912,000	
		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
b) Vay dài hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	433,280,000	433,280,000	-	130,080,000	303,200,000	303,200,000	
- NH TMCP Phát triển TP.HCM (2)	7,997,852,079	7,997,852,079	483,813,000	477,771,000	8,003,894,079	8,003,894,079	
- NH TMCP XNK Việt Nam (3)	-	-	550,000,000	92,000,000	458,000,000	458,000,000	
- Vay dài hạn đến hạn trả (*)	-	-	-	-	(1,653,912,000)	(1,653,912,000)	
Cộng	8,431,132,079	8,431,132,079	1,033,813,000	699,851,000	7,111,182,079	7,111,182,079	

(1) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh HCM** theo hợp đồng tín dụng số SME/HCM/14/0134/HDTD ngày 07/4/2014 với số tiền vay là 520 triệu đồng; thời hạn vay 48 tháng, đến 07/4/2018. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: **12,5%/năm**; sau đó sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn cộng biên độ 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được hoàn trả thành 48 kỳ bắt đầu từ ngày 07/5/2014. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **303.200.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 130.080.000 đồng (*).

(2) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - chi nhánh Sài Gòn** theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 487/2014/HBTDTDH-DN ngày 15/7/2014 và các kế hoạch nhận nợ với số tiền vay là 18 tỷ đồng; thời hạn vay: 84 tháng theo từng kế hoạch nhận nợ; thời hạn trả nợ gốc là 72 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: **12,5%/năm**. Mục đích vay: đầu tư nhà máy chế biến cát Bình Thuận và bổ sung vốn lưu động được quy định cụ thể trong từng kế hoạch nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận; Tài sản gắn liền với đất toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy chế biến cát, máy móc thiết bị, dây chuyền chế biến cát; quyền khai thác cát tại Mỏ cát trắng; Quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng 488.337 m2 đất tại KCN Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; Quyền đòi nợ từ các hợp đồng cho thuê đất của Công ty; quyền sử dụng 44.587 m2 đất tại phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **8.003.894.079 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 1.413.432.000 đồng (*).

(3) **Khoản vay Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM** theo hợp đồng tín dụng 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng; thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là **9%/năm**; Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến 31/12/2015 là **458.000.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng (*).

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	228.000.000.000	#VALUE!	-	328.000.000.000
LNST chưa phân phối	16.522.124.143	25.687.174.782	-	42.209.298.925
Cộng	16,522,124,143	#VALUE!	-	370,209,298,925
	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328.000.000.000	248.800.000.000	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	42.209.298.925	9.764.886.860	32.800.000.000	19.174.185.784
Cộng	370,209,298,925	258,564,886,860	32,800,000,000	595,974,185,784

Vốn góp của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:

	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
- Phát hành 3.280.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cp từ lợi nhuận sau thuế	32.800.000.000	32.800.000.000
- Phát hành 21.600.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng	216.000.000.000	216.000.000.000
Cộng	248.800.000.000	248.800.000.000

Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong kỳ theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng số 47/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17/7/2015.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm là do phát hành 3.280.000 cổ phiếu bổ sung vốn để bù lại cho cổ đông hiện hữu.

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	32.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	455.34	224.10
Nợ khó đòi đã xử lý	1,434,533,208	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thu nhập về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hoá	53,059,610,040	259,884,000
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	63,651,350,775	116,048,331,604
Cộng doanh thu	116,710,960,815	116,308,215,604
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	(20,077,265,319)	-
Cộng	96,633,695,496	116,308,215,604

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	37,585,268,346	129,939,000
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	22,871,124,414	69,694,939,902
- Giá vốn hàng bán trả lại	(12,046,359,192)	-
Cộng	48,410,033,568	69,824,878,902

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	14,294,175	4,175,648
- Lãi cho vay	120,000,000	1,785,000,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1,428,306	-
Cộng	135,722,481	1,789,175,648

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	1,144,757,931	947,123,175
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty Con	1,125,753,859	-
Cộng	2,270,511,790	947,123,175

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	-	933,113,000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18,750,000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (Chi phí vận chuyển)	1,167,726,000	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	5,710,000
Cộng	1,186,476,000	938,823,000

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2,758,684,966	2,472,739,469
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	94,013,610	307,746,636
- Chi phí khấu hao TSCĐ	509,496,445	293,649,461
- Thuế, phí và lệ phí	22,180,237	76,931,283
- Chi phí dự phòng	3,579,298,655	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,158,185,208	2,621,392,253
- Chi phí khác bằng tiền	1,599,609,228	843,242,296
Cộng	13,721,468,349	6,615,701,398

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	393,041,587
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	275,827,675	-
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	3,092,578,876	-
- Chi phí phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	1,295,745,616	5,053,385,406
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	46,770,105	-
- Xử lý công nợ tiền động, không có khả năng thu hồi	1,434,533,208	-
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	5,213,894,400	-
- Chi phí mở cát Tân Hà không còn thực hiện	4,687,046,377	-
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	189,873,339	-
- Chi phí khác	104,571,345	81,090,979
Cộng	16,340,840,941	5,527,517,972

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	94,013,610	307,746,636
- Chi phí nhân công	2,758,684,966	3,405,852,469
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	664,288,110	293,649,461
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,325,911,208	2,621,392,253
- Chi phí khác bằng tiền	1,621,789,465	925,883,579
Cộng	11,464,687,359	7,554,524,398

	Năm nay	Năm nay
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14,870,026,230	34,520,437,784
Các khoản chi phí không được trừ	8,335,152,727	5,630,757,680
Thu nhập tính thuế ước tính	23,205,178,957	40,151,195,464
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,105,139,371	8,833,263,002

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trong yêu cầu phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
		Nhận cung cấp dịch vụ	(2.816,076.900)
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bidico	Công ty con	Mua hàng hóa	(20.220,000.000)
		Bán hàng hóa	3,889,597,012
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	689,800,000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV BDS và XD Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	208,145,771
		Phải thu	1,683,656,713
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bidico	Công ty con	Phải thu khác	1,432,977,836
		Phải trả	(15,178,684,590)
Công ty TNHH MTV VLXD Bidico	Công ty con	Phải thu khác	501,323,318
Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	51,234,300
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(2,287,923,537)

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tỉ lệ

Trong năm tài chính này, Công ty không chịu bất kỳ một rủi ro tỉ lệ nào liên quan đến tỷ giá quý do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2015	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	-	-
- Cho vay	-	-
Cộng	-	-
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay	8,765,094,079	175,301,882
Cộng	8,765,094,079	175,301,882
Chênh lệch		(175,301,882)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (175.301.882) đồng.

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phát sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	1,653,912,000	7,111,182,079	8,765,094,079
- Phải trả người bán	17,798,269,718	-	17,798,269,718
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	58,663,465,520	-	58,663,465,520
Cộng	78,115,647,238	7,111,182,079	85,226,829,317

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là tương đối. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và các quyền sử dụng đất cho các khoản vay dài hạn (thuyết minh tại mục số 8 và 17 - phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2015:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	298.025.405,653	-	(1.125.753.859)	296.899.651.794	(1.125.753.859)
Cộng	298.025.405,653	-	(1.125.753.859)	296.899.651.794	(1.125.753.859)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 161.666.325.260 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2015
Tổng gộp	3.774.482,310
Trừ dự phòng giảm giá trị	(3.579,298,655)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	195,183,655
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.579,298,655)
Hoàn nhập	-
Số dư cuối năm	(3.579,298,655)

5. Số dư đầu kỳ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hữ số số dư đầu năm liên quan đến việc tính lại doanh thu và giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, tích lũy các khoản phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế cũng như điều chỉnh các khoản truy thu thuế theo biên bản thanh tra của cơ quan Thuế cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau (Số dư tại ngày 31/12/2014 được trình bày lại theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính):

Một số chỉ tiêu trên BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số dư 31/12/2014 được trình bày lại theo TT 200	Số dư tại ngày 01/01/2015 sau điều chỉnh	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
(a) Thuế GTGT được khấu trừ	7,627,480,114	5,045,319,645	(2,582,160,469)
(b) Tài sản thiếu chờ xử lý	-	3,619,892,343	3,619,892,343
(b) Tài sản cố định vô hình	67,982,347,710	64,362,455,367	(3,619,892,343)
(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	141,021,522,416	146,310,083,358	5,288,560,942
Cộng ảnh hưởng đến TÀI SẢN	216,631,350,240	219,337,750,713	2,706,400,473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	419,617,501,189	422,323,901,662	2,706,400,473

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán

	Số dư 31/12/2014 được trình bày lại theo TT 200	Số dư tại ngày 01/01/2015 sau điều chỉnh	Chênh lệch
B. NGUỒN VỐN			
(d) Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	17,311,840,233	25,069,823,595	7,757,983,362
(e) Các khoản phải trả ngắn hạn khác	200,000,000	8,407,863,395	8,207,863,395
(f) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55,468,745,209	42,209,298,925	(13,259,446,284)
Cộng ảnh hưởng đến NGUỒN VỐN	72,980,585,442	75,686,985,915	2,706,400,473
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	419,617,501,189	422,323,901,662	2,706,400,473

Các khoản mục trên KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		Năm 2014 đã kiểm toán	Năm 2014 sau điều chỉnh	Chênh lệch
(g)	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124,516,079,000	116,308,215,604	(8,207,863,396)
(c)	- Giá vốn hàng bán	75,113,439,844	69,824,878,902	(5,288,560,942)
	- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49,402,639,156	46,483,336,702	(2,919,302,454)
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,440,946,508	6,615,701,398	174,754,890
(h)	- Chi phí khác	474,132,566	5,527,517,972	5,053,385,406
	- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42,667,880,534	34,520,437,784	(8,147,442,750)
(i)	- Chi phí thuế TNDN hiện hành	9,455,707,882	8,833,263,002	(622,444,880)
	- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33,212,172,652	25,687,174,782	(7,524,997,870)

- (a): Điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ theo biên bản kiểm tra thuế năm 2011 là 2.441.861.550 đồng và điều chỉnh do hạch toán sai là 140.298.919 đồng.
- (b): Điều chỉnh những khoản chi phí chưa tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ liên quan đến khu cảng Lagi tại thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 2, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.
- (c): Điều chỉnh giảm giá vốn năm 2014 liên quan đến hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.
- (d): Điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp, thuế TNDN,... và các khoản phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp theo các biên bản kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2014.
- (e): Điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng.
- (f): Ảnh hưởng từ các điều chỉnh trên.
- (g): Điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp tương ứng với điều chỉnh giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng do tính thiếu thuế GTGT đầu ra phải nộp theo biên bản kiểm tra thuế năm 2014.
- (h): Điều chỉnh các khoản phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp thuế.
- (i): Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2014 theo biên bản kiểm tra thuế năm 2014.

6. Các cam kết

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tải Lagi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m² đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

BIDICO CAM KẾT CUNG CẤP CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CÁC THÔNG TIN KỊP THỜI VÀ CHÍNH XÁC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY, ĐƯỢC CẬP NHẬT THƯỜNG XUYÊN TRÊN WEBSITE CHÍNH THỨC WWW.BIDICO.COM.VN.